

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 20/3/2018

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Hải Phong

2. Ông Cao Quốc Hưng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh- Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 516/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Sa Ri Y, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh D

Bị đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1970

Địa chỉ: Đường A, khu phố B, phường C, Quận D, Thành phố E

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc và biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Sa Ri Y trình bày:

Bà Sa Ri Y và ông Trần Văn D tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 1999, không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do hai bên bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Từ năm 2014, bà và ông D không còn chung sống với nhau, mạnh ai nấy sống, không ai

còn quan tâm đến ai. Nay tại Tòa, bà Sa Ri Ya yêu cầu không công nhận vợ chồng với ông Trần Văn D.

Về con chung: Bà Sa Ri Y và ông D có 02 con chung là Trần Thị Yến N, sinh ngày 06/11/2001 và Trần Văn S, sinh ngày 01/01/2006. Nếu ly hôn, bà Sa Ri Ya đồng ý giao hai con chung cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng vì các con đang học và sinh sống ổn định cùng ông D. Bà Sa Ri Y đề nghị không cấp dưỡng nuôi con vì hoàn cảnh hiện nay của bà đang rất khó khăn.

Về tài sản chung: Tự giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn D có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa hôm nay nhưng tại biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc và biên bản hòa giải ông D trình bày như sau: Ông D thừa nhận lời trình bày của bà Sa Ri Y về thời điểm chung sống, thời điểm phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thời gian ly thân giữa ông và bà Sa Ri Y là sự thật. Ông và bà Sa Ri Y không có đăng ký kết hôn. Nay tại Tòa, ông D đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng với bà Sa Ri Y vì không còn tình cảm.

Về con chung: Ông D và bà Sa Ri Y có 02 con chung là Trần Thị Yến N, sinh ngày 06/11/2001 và Trần Văn S, sinh ngày 01/01/2006. Nếu ly hôn, ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi các con chung vì từ trước đến nay, các con vẫn ở với ông, hiện tại, các cháu đang đi học ổn định. Ông D không yêu cầu bà Sa Ri Y cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung: Tự giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng:

Từ khi thụ lý cho đến khi xét xử, Tòa án nhân dân Quận 2 đã tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa, ông Trần Văn D có đơn xin vắng mặt nhưng có lời khai tại Tòa. Cả hai cùng trình bày về chung sống với nhau từ năm 1999 nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, hai bên thường xuyên mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không tìm được tiếng nói chung. Bà Sa Ri Y yêu cầu Tòa án không công nhận vợ chồng với ông D, ông D đồng ý. Căn cứ khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Sa Ri Y không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Sa Ri Y và ông Trần Văn D.

Về nuôi con chung: Ông D và bà Sa Ri Y có 02 con chung là Trần Thị Yến N, sinh ngày 06/11/2001 và Trần Văn S, sinh ngày 01/01/2006. Bà Sa Ri Y và ông Trần Văn D thống nhất giao cả hai con cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời các con Trần Thị Yến N và Trần Văn S cũng có nguyện vọng được ở cùng ông D. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho ông D trực tiếp

nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông D không yêu cầu bà Sa Ri Y cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung: Cả hai không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đề nghị, Hội đồng xét xử ghi nhận các đương sự không yêu cầu Tòa giải quyết.

Nội dung hai bên đã thống nhất được với nhau: Về hôn nhân: Hai bên thống nhất về việc không đăng ký kết hôn, thời điểm chung sống, thời gian phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, thời gian ly thân và cả hai thống nhất đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng. Về con chung: Cả hai xác định có 02 con chung tên là Trần Thị Yên N, sinh ngày 06/11/2001 và Trần Văn S, sinh ngày 01/01/2006 và thống nhất giao 02 con chung cho ông Trần Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông D không yêu cầu bà Sa Ri Y cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Cả hai thống nhất tự giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân Quận 2 nhận định:

1. Về mặt tố tụng:

Bà Sa Ri Y đề nghị Tòa án không công nhận vợ chồng đối với ông Trần Văn D, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Trần Văn D hiện đang cư trú tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 28/2/2018 cho tất cả các đương sự, yêu cầu các bên có mặt tại phòng xử án vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 20/3/2018 để nghe xét xử. Tuy nhiên, ông Trần Văn D đã có đơn xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông D.

2. Về nội dung vụ án.

Về hôn nhân:

Bà Sa Ri Y và ông Trần Văn D tự nguyện về chung sống với nhau vào năm 1999, không đăng ký kết hôn. Theo kết quả xác minh tại biên bản lập ngày 19/01/2018 của Ủy ban nhân dân phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh như sau: Sau khi kiểm tra sổ bộ hộ tịch đăng ký kết hôn tại phường Thạnh Mỹ Lợi, không có tên bà Sa Ri Y và ông Trần Văn D. Hiện nay, bà Sa Ri Y không còn chung sống cùng nhà với ông Trần Văn D ở địa chỉ 72/7, đường 23, khu phố 4, phường Thạnh Mỹ Lợi, Quận 2. Bà Sa Ri Y sinh sống ở nơi khác. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình thì việc chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn của bà Sa Ri Y và ông Trần Văn D không có giá trị pháp lý và không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và

chồng. Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Sa Ri Y và ông Trần Văn D.

Về con chung: Ông D và bà Sa Ri Y có 02 con chung là Trần Thị Yến N, sinh ngày 06/11/2001 và Trần Văn S, sinh ngày 01/01/2006. Bà Sa Ri Y và ông Trần Văn D thống nhất giao cả hai con chung cho ông D trực tiếp nuôi dưỡng. Đồng thời cả hai trẻ Trần Thị Yến N và Trần Văn S cũng có nguyện vọng được ở cùng ông D. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự giao 02 con chung tên là Trần Thị Yến N, sinh ngày 06/11/2001 và Trần Văn S, sinh ngày 01/01/2006 cho ông Trần Văn D trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông D không yêu cầu bà Sa Ri Y cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Sa Ri Y và ông Trần Văn D xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là có cơ sở và phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Bà Sa Ri Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Sa Ri Y đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008743 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Bà Sa Ri Y đã nộp đủ án phí. Ông D không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 16, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Sa Ri Y:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Sa Ri Y và ông Trần Văn D.

Về con chung: Giao 02 con chung là Trần Thị Yến N, sinh ngày 06/11/2001 và Trần Văn S, sinh ngày 01/01/2006 cho ông Trần Văn D trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông D không yêu cầu bà Sa Ri Y cấp dưỡng nuôi con.

Bà Sa Ri Y được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung.

Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết hai bên đều có thể xin thay đổi việc nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Về tài sản chung: Tự giải quyết.

2. Về án phí: Bà Sa Ri Y phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Sa Ri Y đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008743 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2. Bà Sa Ri Y đã nộp đủ án phí. Ông D không phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Sa Ri Y có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với ông Trần Văn D là 15 ngày tính từ ngày được tổng đạt hợp pháp bản án.

Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày tuyên án.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- VKSND Quận 2;
- THA DS Quận 2;
- TANDTPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Thị Hoài

